

Bản án số: 02/2023/KDTM - ST

Ngày 27 - 9 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Đức Danh

Ông Nguyễn Đức Hưng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Vân Ánh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2023/TLST – KDTM ngày 13/4/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST- KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên số 03/2023/QĐST – KDTM ngày 11 tháng 9 năm 2023

Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Một thành viên T

Địa chỉ: Số 85 phố C, phường A thành phố T, Thanh Hóa.

*Người đại diện theo Pháp luật:* Ông Nguyễn Ngọc Đ – Chức vụ: Giám đốc;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Lô 186, KĐT M Đ, đường D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Trần Thị N – Luật sư, Công ty Luật TNHH N, Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Một thành viên X

Địa chỉ: Số 475 N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Bạch D – Chức vụ: Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phan Văn C, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số , phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa có mặt bà Nguyễn Thu H, luật sư Trần Thị N và ông Phan Văn C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 21/11/2015, Công ty TNHH Một thành viên T và Công ty TNHH Một thành viên X đã ký Hợp đồng số 37/2015/HĐKT/XD99-TT6 về việc mua bán các loại bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình cầu vượt đường sắt Km64+400 thuộc dự án phân kỳ đầu tư xây dựng giai đoạn I đường giao thông từ Cảng Hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn theo hình thức BT. Các bên cam kết tại Hợp đồng cuối mỗi 02 tháng, các bên sẽ cùng nhau đối chiếu công nợ và Công ty TNHH MTV X sẽ thanh toán cho Công ty TNHH MTV T theo giá trị thực hiện trong tháng.

Ngày 05/5/2017, Công ty TNHH MTV T tiếp tục ký Hợp đồng kinh tế số 36/2017/HĐKT/TT6-XD99 về việc Thi công thảm bê tông nhựa phục vụ thi công công trình xây cầu vượt đường sắt Km64+400 thuộc dự án phân kỳ đầu tư xây dựng giai đoạn I đường giao thông từ Cảng Hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn theo hình thức BT. Giá trị Hợp đồng được các bên dự tính tại thời điểm ký là 1.416.400.000 VNĐ (Một tỷ bốn trăm mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Sau khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ của bên nhận thầu đối với cả 02 Hợp đồng nêu trên, tổng giá trị của Hợp đồng số 37/2015/HĐKT/XD99-TT6 và Hợp đồng số 36/2017/HĐKT/TT6-XD99 mà Công ty TNHH MTV T đã thực hiện là 2.747.897.200 VNĐ (Hai tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm đồng).

Công ty TNHH MTV X đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV T và đã được hai bên thực hiện việc đối chiếu công nợ, cụ thể:

- Đối với Hợp đồng số 37/2015/HĐKT/XD99-TT6 ngày 21/11/2015, căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/4/2017 thì tính đến ngày 29/4/2017, Công ty TNHH MTV X còn nợ Công ty TNHH MTV T số tiền là 314.967.500 VNĐ (Ba trăm mười bốn triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Đối với Hợp đồng số 36/2017/HĐKT/TT6-XD99 ngày 05/5/2017, căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 19/5/2017 thì Công ty TNHH MTV X còn nợ Công ty TNHH MTV T số tiền là 1.420.874.200 VNĐ (Một tỷ bốn trăm hai mươi triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm đồng).

- Sau khi đối chiếu công nợ, Công ty TNHH MTV X đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Số tiền Công ty X còn nợ là 335.841.700 đồng (Ba trăm ba mươi năm triệu tám trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm đồng).

Ngày 24/8/2023, Công ty TNHH MTV X đã thanh toán một phần khoản nợ gốc với số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), số tiền gốc còn nợ lại là: 235.841.700 đồng .

Nay Công ty TNHH MTV T yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV X trả số tiền tính đến ngày xét xử 27/9/2023 là 366.149.802 đồng, cụ thể như sau:

- Số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 235.841.700 đồng (hai trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm đồng).

- Tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 335.841.700 đồng tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 24/8/2023 là  $335.841.700 \times 10\%/năm \times 3 \text{ năm } 9 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 128.148.912$  đồng

- Tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 235.841.700 đồng tính từ ngày 25/8/2023 đến ngày xét xử 27/9/2023 là  $235.841.700 \times 10\%/năm \times 1 \text{ tháng } 3 \text{ ngày} = 2.159.190$  đồng.

Tổng cả gốc và lãi Công ty TNHH MTV T yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV X phải trả là 366.149.802 đồng

\* *Tại Công văn trả lời thông báo thụ lý số 288/2023/CV-TC ngày 25/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty TNHH MTV X:*

Công ty TNHH Một thành viên X là đơn vị trực tiếp thi công Cầu vượt đường sắt Km 64+400 thuộc dự án phân kỳ đầu tư xây dựng giai đoạn I đường giao thông từ Cảng Hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn theo hình thức BT trên cơ sở Hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty TNHH Một thành viên X với Công ty TNHH Một thành viên 3 (Nay là Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng 3 – Thuộc Tổng Công ty). Ngày 27/4/2018, công trình nêu trên đã hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao và đưa vào khai thác, sử dụng, đảm bảo đúng tiến độ thi công mà hai bên đã ký kết. Bằng nhiều hình thức đòi nợ khác nhau nhưng Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng vẫn chưa thực hiện và hoàn thành nghĩa vụ thanh toán công nợ còn lại. Dự án đã được công ty thi công xong từ năm 2018, nhưng không thu hồi vốn được, mặt khác công ty đang gặp nhiều khó khăn. Hiện tại Công ty TNHH MTV X đang còn nợ Công ty TNHH MTV T số tiền là 335.841.700 đồng (Ba trăm ba mươi năm triệu tám trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm đồng). Công ty TNHH MTV X cam kết sẽ thanh toán dứt điểm cho Công ty TNHH MTV T, trong quý 3 năm 2023.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV X phải trả cho Công ty TNHH MTV T tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 27/9/2023 là **366.149.802 đồng**. **Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý số tiền hiện tại** Công ty TNHH MTV X còn nợ Công ty TNHH MTV T là 235.841.700 đồng, đối với yêu cầu trả khoản tiền lãi của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý trả lãi với lý do Công ty TNHH MTV T không chia sẻ khó khăn với Công ty TNHH MTV X.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH MTV T yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV X phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng mà hai bên đã ký kết với nhau. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng được thực hiện tại thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nguyên đơn lựa chọn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc:

Theo Hợp đồng số 37/2015/HĐKT/XD99-TT6 ngày 21/11/2015 và Hợp đồng số 36/2017/HĐKT/ XD99- TT6 ngày 05/5/2017 giữa Công ty TNHH MTV T và Công ty TNHH MTV X thì tổng giá trị của hai hợp đồng đã thực hiện là 2.747.897.200 đồng (Hai tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm đồng). Sau khi hai bên đối chiếu công nợ, Công ty TNHH MTV X đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV T số tiền là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng), số tiền Công ty TNHH MTV X còn nợ lại là: 335.841.700 đồng. Tại Công văn trả lời Thông báo thụ lý số 288/2023/CV-TC ngày 25/4/2023 của Công ty TNHH Một thành viên X, Công ty TNHH Một thành viên X xác nhận đang còn nợ Công ty TNHH MTV T số tiền là 335.841.700 đồng (Ba trăm ba mươi năm triệu tám trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm đồng).

Ngày 24/8/2023, Công ty TNHH MTV X đã thanh toán một phần khoản nợ với số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, số nợ mà Công ty TNHH MTV X còn nợ Công ty TNHH MTV T là 235.841.700 đồng (Hai trăm ba mươi năm triệu tám trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm đồng). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là 235.841.700 đồng, bị đơn thừa nhận khoản nợ này, đây là tình tiết thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV T buộc Công ty TNHH MTV X phải trả số tiền còn nợ là 235.841.700 đồng.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi:

Công ty TNHH MTV T yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV X trả số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử (là ngày 27/9/2023) như sau:

- Tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 335.841.700 đồng tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 24/8/2023 là  $335.841.700 \times 10\%/năm \times 3 \text{ năm } 9 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 128.148.912$  đồng

- Tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 235.841.700 đồng tính từ ngày 25/8/2023 đến ngày xét xử 27/9/2023 là  $235.841.700 \times 10\% / \text{năm} \times 1 \text{ tháng } 3 \text{ ngày} = 2.159.190$  đồng

Tổng cộng số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 128.148.912 đồng + 2.159.190 đồng = 130.308.102 đồng.

Theo Điều 4 của Hợp đồng kinh tế số 36/2017/HĐKT/TT6-XD99, hai bên thống nhất thỏa thuận: “Sau khi Bên B (Công ty TNHH MTV T) thi công hoàn thành hạng mục công trình. Trong thời hạn 07 ngày, hai bên tổ chức nghiệm thu khối lượng thực tế đã thi công để lập hồ sơ thanh quyết toán. Sau thời gian 15 ngày, bên A (Công ty TNHH MTV Xây dựng 99) thanh toán 100% giá trị hoàn thành cho bên B sau khi Bên B cung cấp đủ hồ sơ thanh toán”.

Điều 5 Hợp đồng số 37/2015/HĐKT/XD99-TT6, các bên có thỏa thuận: “Cuối mỗi tháng 2 bên cùng đối chiếu công nợ, Bên B xuất hóa đơn GTGT 10% đầy đủ cho Bên A. Sau đó trong vòng 15 ngày Bên A thanh toán 100% giá trị thực hiện trong tháng đó. Quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bên A không có nhu cầu nhập hàng thì Bên A phải thanh toán 100% giá trị công nợ cho Bên B. Nếu Bên A không thanh toán đúng theo nội dung hợp đồng thì Bên A phải thanh toán thêm cho bên B tiền lãi cho khoản tiền trả chậm với lãi suất bằng lãi suất quá hạn vay ngân hàng tại thời điểm đến hạn thanh toán”.

Tại Sổ chi tiết công nợ giữa Công ty TNHH MTV T và Công ty TNHH MTV X, chi tiết công nợ từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2022 thì ngày hạch toán cuối cùng được xác định là ngày 22/10/2019, nguyên đơn xác định thời điểm bắt đầu tính lãi chậm thanh toán là ngày 01/11/2019 là có lợi cho bị đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm trả, mức lãi suất và thời gian chịu lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại và Điều 357, 468 Bộ luật dân sự, nên có căn cứ để chấp nhận.

Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận buộc Công ty TNHH MTV X phải trả cho Công ty TNHH MTV Tân Thành 6 tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 27/9/2023 là 366.149.802 đồng.

[3] Về án phí: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự;  
Điều 24, Điều 50, **Điều 55**, Điều 306 Luật Thương mại;  
Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên T.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên X có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Một thành viên T tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 27/9/2023 là: 366.149.802 đồng (*Ba trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm linh hai đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả tiền hoặc trả không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí:

- Công ty TNHH Một thành viên X phải nộp 18.307.490 đồng (*mười tám triệu, ba trăm linh bảy nghìn, bốn trăm chín mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: AA/2021/0012507 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Sơn**

